

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Quang học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Mai Hồng Hạnh

2. Ngày tháng năm sinh: 27/11/1984; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Nga Hải, Nga Sơn, Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): A4, C4, Tập thể phân viện Báo chí và Tuyên truyền, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Nhà 4, hẻm 441/1/3, ngõ 441, phố Vũ Hữu, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 0243 5535911; Điện thoại di động: 0967292460;

E-mail: hanhhongmai@hus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2007 đến năm 2015: Giảng viên tại Đại học Bách Khoa Hà Nội

Từ năm 2008 đến năm 2012: Nghiên cứu viên, Nghiên cứu sinh, Trợ giảng tại Đại học Kassel, CHLB Đức

Từ năm 2012 đến năm 2013: Visiting Postdoc tại Department of Physics and Astronomy, KU Leuven, Belgium

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên chính

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Vật lý, Đại học Khoa học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Khoa Vật lý, Đại học Khoa học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 23 tháng 06 năm 2006, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Quang học

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): ĐH Khoa Học Tự Nhiên, ĐH Quốc Gia Hà Nội

- Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 04 năm 2009, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Quang Học

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Quốc Gia Hà Nội

- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 10 năm 2012, ngành: Vật lý, Công nghệ nano, chuyên ngành: Quang học, Công nghệ Nano

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Kassel, Cộng Hòa Liên Bang Đức

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu, chế tạo vật liệu nano ZnO, CuO, hạt nano kim loại định hướng ứng dụng trong cảm biến huỳnh quang

- Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo các thiết bị quang học dựa trên điện thoại thông minh định hướng ứng dụng trong y sinh và môi trường

- Nghiên cứu, chế tạo các laser vi cấu trúc sinh học định hướng ứng dụng trong y sinh

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 1 đề tài NCKH cấp Khác;

- Đã công bố (số lượng) 36 bài báo KH, trong đó 15 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 2 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 2, trong đó 2 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Đã có thành tích hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải Nhất trong năm 2018	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	2018

2	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đảng năm 2017	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	2017
3	Đạt danh hiệu gương mặt trẻ cấp cơ sở năm học 2016- 2017	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	2017
4	Đã có thành tích trong nghiên cứu khoa học, giai đoạn 2016- 2018	Hội Nữ trí thức Việt Nam	2019
5	Chiến sĩ thi đua	ĐH Quốc Gia Hà Nội	2019
6	Chiến sĩ thi đua	ĐH Quốc Gia Hà Nội	2017
7	Giải nhất Poster Hội nghị nữ Khoa học và Công nghệ lần thứ nhất năm 2019, khu vực phía Bắc	Hội nữ trí thức Việt Nam	2019

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Kể từ khi bắt đầu tham gia giảng dạy (từ năm 2007 đến nay), tôi tự thấy rằng bản thân luôn tôi luôn biết cách xác định rõ vai trò của người giảng viên, luôn trau dồi kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, biết đặt vai trò người học làm trung tâm, biết cách phát huy năng lực của sinh viên. Tôi luôn giữ đúng và hiểu phẩm chất đạo đức cao quý của nghề nhà giáo: hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy để mang đến cho sinh viên những năng lực cần thiết, là hành trang vào đời. Đối với sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh tôi luôn có thái độ đúng mực, đồng thời tôn trọng và biết giúp đỡ để họ đạt kết quả tốt trong học tập. Cụ thể là tôi đã thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Giảng dạy đủ và vượt định mức trong các năm học.
- Tham gia xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo ở bậc đại học và sau đại học.
- Hợp tác với các đồng nghiệp ở trong và ngoài trường trong công tác chuyên môn.

- Tích cực trong hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.
 - Tham gia các hoạt động tư vấn khoa học (làm thành viên hội đồng đánh giá luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ, nhận phản biện các thuyết minh đề tài nghiên cứu:
- + Là phản biện cho các bài báo khoa học gửi đăng tại những tạp chí uy tín trong nước *Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology* (Q2) và quốc tế như: *Nanotechnology* (Q1), *Physica E* (Q2), *Optica Applicata* (Q2), *Material Research Express* (Q2), *Computer Optics* (Scopus).
- + Tham gia chấm thi **19th Asian Physics Olympiad 2018** (APHO 2018)
- Hướng dẫn sinh viên làm quen với việc nghiên cứu khoa học (thông qua khóa luận tốt nghiệp); hướng dẫn cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sỹ chuyên ngành Quang lượng tử và công nghệ nano. Đồng hướng dẫn 01 Nghiên cứu sinh ngành Quang lượng tử
 - Tham gia tổ chức hội nghị, seminar để tạo môi trường cập nhật tình hình nghiên cứu, thảo luận, trao đổi học thuật trong cộng đồng khoa học.
 - Liên tục học tập, trao đổi, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Ngoài nhiệm vụ chính là giảng dạy, tôi còn tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, đồng thời hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu. Tôi đã tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học trong đó có **02** đề tài Nafosted với vai trò là chủ nhiệm đề tài, **03** dự án nước ngoài với vai trò là chủ trì dự án, đồng thời tham gia 02 dự án khác với vai trò là thành viên. Kết quả nghiên cứu của tôi một phần thể hiện thông qua **12** bài ISI, **03** bài Scopus, **10** bài báo khoa học trong các tạp chí khoa học trong nước và **11** bài báo đăng trong kỷ yếu hội nghị trong nước và quốc tế; **01** sách tham khảo (NXB Springer); **02** Đơn sở hữu trí tuệ (Đã chấp nhận đơn).

Sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ công tác chuyên môn, cũng như giao tiếp.

Đảm bảo sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.

Đối chiếu với tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi tự đánh giá mình đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng viên, và tự nhận thấy bản thân đáp ứng các tiêu chuẩn của chức danh Phó Giáo sư do Nhà nước quy định.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 13 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn	Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp	Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức

Chính	Phụ	ĐH	SDH					
1	2014-2015					438		438/412,2/280
2	2015-2016					270	45	315/424/230
3	2016-2017					315		315/476/230
3 năm học cuối								
4	2017-2018			1	1	315	60	375/541/230
5	2018-2019		1	1	4	240	105	345/620/230
6	2019-2020		1	2	4	255	135	390/767/230

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: CHLB Đức năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Vật Lý, ĐH Khoa Học Tự Nhiên, ĐH Quốc Gia Hà Nội

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Tiến sĩ tại ĐH Kassel, CHLB Đức

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng	Trách nhiệm hướng dẫn	Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định

NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ					
1	Lê Thị Dung		X	X		09/2017 đến 12/2018	Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội	2019
2	Đỗ Phương Thảo		X	X		09/2016 đến 08/2018	Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội	2019
3	Lê Trần Thịnh		X	X		09/2018 đến 12/2019	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	2020

4	Trần Đình Hoàng		X	X		09/2018 đến 03/2020	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	2020
---	-----------------	--	---	---	--	---------------------------	--	------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Nanotechnological Basis for Advanced Sensors	CK	Springer, năm 2011	11	VC	(Chapter 57: Micromachined Tunable Fabry-Pe'rot Filter Integrated into a Miniaturized Spectrometer for Low-Cost Applications)	
2	Nanotechnological Basis for Advanced Sensors	CK	Springer, năm 2011	11	VC	(Chapter 57: Micromachined Tunable Fabry-Pe'rot Filter Integrated into a Miniaturized Spectrometer for Low-Cost Applications)	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 0

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	ĐT: Nghiên cứu chế tạo cảm biến huỳnh quang sinh học xác định hàm lượng đường dựa trên cấu trúc nano dị thể của ZnO và hạt nano kim loại	CN	103.03-2015.27, cấp Nhà nước	6/6/2017 đến 6/6/2019	(19/6/2019) Đạt
2	ĐT: Developing and characterizing optical properties of a novel biosensors based on ZnO nanowires modified with Au nanoparticles for sensing Glucose	CN	15-100 RG/PHYS/AS_I – FR3240287090, cấp Khác	1/6/2016 đến 01/12/2017	(12/2017)/Đạt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	3D nanoimprinted Fabry-Pérot filter arrays and methodologies for optical characterization	10	Có	Applied Physics B/ ISSN: 1432-0649	Q1 - SCI IF: 1.769	19	107, 755-764	2012
2	High resolution 3D NanoImprint technology: template fabrication, application in Fabry-Perot-filter-array-based optical nanospectrometers	8	Không	Microelectronic Engineering/ ISSN: 0167-9317	Q2 - SCI IF: 1.65	26	110, 44-51	2013
3	High vertical resolution 3D NanoImprint Technology and its application in optical nanosensors	8	Không	Nonlinear Optics and Quantum Optics: Concepts in Modern Optics/ ISSN: 1944-8325	Q3 - Scopus	3	43, 339-353	2012

4	Influence of laser parameters on the stationary operation of a two mode random microlaser	2	Không	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics/ ISSN: 0866-8612			23, 139-142	2007
5	Crosstalk effect in the case of three monomode plan wave guides	2	Không	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics/ISSN: 0866-8612			T.XXI, No2 , 34-39	2006
6	The influence of wave guide structure parameters on the crosstalk effect	2	Không	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics/ ISSN: 0866-8612			T.XXII, No2AP-2006 , 60-64	2006
7	Some characteristics in operation of two modes random microlaser	2	Không	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics/ ISSN: 0866-8612			T. XXII , No2AP-2006, 65-68	2006
8	Verification and Calibration of Spectral Properties of High-resolution Nano Sensor Arrays Using Microscope Spectrometers	14	Có	Technical Digest MOC'10, 16th Microoptics Conference 2010		1	, 22-23	2010

9	Optical Characterization of High-Resolution Optical Nanospectrometers for Networked Sensing Systems	14	Không	INSS Conference 2010/ ISBN: 978-1-4244-7910-8		1	, 175-178	2010
10	High-resolution, Low-cost Microsensors for Networked Sensing Systems: Optical Nanospectrometers with Nanoimprinted Cavities of Filter Arrays	11	Không	INSS Conference 2010/ ISBN: 978-1-4244-7910-8		2	, 171-174	2010
11	Low-Cost Micromachined Tunable Fabry-Pérot Filters for Optical Nano Sensor Array	9	Không	Technical Digest MOC'10, 16th Microoptics Conference 2010			, 64-65	2010
12	High Vertical Resolution 3D Nanoimprint Technology for Nanophotonic Applications	12	Không	IEEE/LEOS International Conference on Optical MEMS and Nanophotonics, America/ ISSN: 2160-5041		8	, 87-88	2009

13	High resolution 3D nanoimprint technology and its application in optical sensors and photonic devices	13	Không	NNT 2010 Conference Program and Proceed			, 20-21	2010
14	Nghiên cứu lý thuyết hiện tượng xuyên kênh trên cơ sở ba ống dẫn sóng phẳng đa mode	2	Không	Kỷ yếu Hội nghị quang học quang phổ, Cần Thơ, Việt Nam			, 532-536	2006
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
15	Testing edible oil authenticity by using smartphone based spectrometer	2	Có	Computer Optics/ ISSN: 2412-6179	Q2 - Scopus		44/2 , 189-194	2020
16	Designing multilayer dielectric filter based on TiO ₂ /SiO ₂ for fluorescent microscope applications	2	Có	Computer Optics/ ISSN: 2412-6179	Q2 - Scopus		44/2 , 209-213	2020
17	Overcharging of the Zinc Ion in the Structure of the Zinc-Finger Protein Is Needed for DNA Binding Stability	5	Không	Biochemistry/ ISSN: 1520-4995	Q1 - SCI IF: 2.95	1	59/13 , 1378-1390	2020

18	Protein-based microsphere biolasers fabricated by dehydration	7	Không	Soft Matter/ ISSN: 1744-6848	Q1 - SCI IF: 3.399	1	15, 9721- 9726	2019
19	Enhanced optical properties of ZnO nanorods decorated with gold nanoparticles for self cleaning surface enhanced Raman applications	11	Không	Applied Surface Science/ ISSN: 0169-4332	Q1 - SCI IF: 5.155	1	505, 144593	2019
20	Non-enzymatic fluorescent glucose sensor using vertically aligned ZnO nanotubes grown by a one- step, seedless hydrothermal method	3	Có	Microchimica Acta/ ISSN: 1436-5073	Q1 - SCI IF: 5.8	2	186, 245	2019
21	Nonenzymatic Fluorescent Biosensor for Glucose Sensing Based on ZnO Nanorods	6	Có	Journal of Electronic Materials/ ISSN: 0361-5235	Q2 - SCI IF: 1.67	10	46/6 , 3714- 3719	2017
22	Zinc Oxide Nanorods Grown on Printed Circuit Board 4 for Extended-Gate Field-Effect Transistor pH Sensors	7	Không	Journal of Electronic Materials/ ISSN: 0361-5235	Q2 - SCI IF: 1.67	19	46/6 , 3732- 3737	2017

23	Nonlinear optical properties of Ag nanoclusters and nanoparticles dispersed in a glass host	10	Có	Journal of Physical Chemistry C/ ISSN: 1932-7447	Q1 - SCI IF: 4.8	45	118/29 ,	2014
24	Egg white based biological microlasers	5	Không	Journal of Physics D Applied Physics/ ISSN: 1361-6463	Q1 - SCI IF: 2.82		,	2020
25	Silica based biocompatible random lasers implantable in the skin	8	Không	Optics Communications/ ISSN: 0030-4018	Q1 - SCI IF: 1.96		475, 1-5	2020
26	Synthesis of ZnO/Au nanorods for self cleaning applications	11	Không	Journal of Nanoscience and Nanotechnology/ ISSN: 1533-4880	Q2 - SCIE IF: 1.35		,	2020
27	Preparation of ZnO Nanoflowers for Surface Enhanced Raman Scattering Applications	10	Không	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics/ ISSN: 0866-8612			36 , 1-6	2020
28	Some properties of ZnO nanorods prepared by hydrothermal method	10	Không	DTU Journal of Science and Technology/ ISSN: 1859 - 4905			, 106-109	2018

29	A Simple, One-step, Seedless Hydrothermal Growth of ZnO Nanorods on Printed Circuit Board Substrate	4	Có	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics/ ISSN: 0866-8612			33, 29-33	2017
30	Effect of hydrothermal time on the growth of ZnO nanorods	2	Có	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ quân sự (JMST)/ ISSN: 1859-1043			66A , 5-2020, 84-91	2020
31	Ovalbumin based microlasers	1	Có	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics/ ISSN: 0866-8612			36 , 2, 106-111	2020
32	ZnO nanorods based non-enzymatic fluorescent glucose sensors	11	Có	Proceeding of The 5th academic conference on natural science for young scientist, master and PhD students from Asean countries (CASEAN-5), Dalat, Vietnam/ ISBN:978-604-913-088-5			, 53-57	2018

33	Photoluminescence of silicon nanopillars fabricated by metal assisted chemical etching	5	Không	Proceeding of Japan-Vietnam Conference			,	2019
34	Fabrication of silicon nanopillars by metal assisted chemical etching	4	Không	Proceeding of The 4th International Conference on Advanced Materials and Nanotechnology, 2019 Hanoi Vietnam/ ISBN: 978-604-950-978-0			, 1-4	2019
35	Fabrication and lasing characteristics of kudzu starch based microsphere biolasers	3	Không	Proceeding of the 6th academic conference on natural science for young scientist, master and PhD students from Asean countries (CASEAN-6), Thai Nguyen, Vietnam/ ISBN: 978-604-913-088-5			, 21-24	2019
36	ZnO nanorods grown on plastic PCV substrate for environmental application	1	Có	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ quân sự (JMST)/ ISSN: 1859-1043			67, 6-2020, 149-153	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi

được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 5

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS. 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Thiết bị đo nồng độ chất hữu cơ trong dung dịch	Bộ Khoa học và công nghệ, Cục sở hữu trí tuệ	22/01/2020	Mai Hồng Hạnh	2
2	Thiết bị đo nồng độ chất hữu cơ trong dung dịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ	22/01/2020	Mai Hồng Hạnh	2

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 1 2

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
----	--	---------	------------------------

Không có

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng): Đã đủ số năm

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu): Đã đủ số giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu): Đã đủ số giờ giảng dạy

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (U'V chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (U'V chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Đã hướng dẫn 04 HVCH,

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (U'V chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (U'V chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Đã đáp ứng đủ yêu cầu về NCKH

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc U'V không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc U'V không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

